

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhơn
2. Ông Nguyễn Trọng Khôi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:161/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Mỹ Quý A, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Văn B, sinh năm 1987. “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:** anh Bùi Quốc O, sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và bản tự khai ngày 31/5/2022 nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: chị và anh Bùi Văn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/7/2012. Quá trình chung sống thì đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống mà không tìm được tiếng nói chung và hướng giải quyết. Anh B không quan

tâm gia đình, bỏ mặc vợ, con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn nặng nề khó chịu. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn yêu thương tôn trọng nhau. Chị đã nhẫn nhịn để nuôi con nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn yêu cầu ly hôn.

Con chung có 01 người tên Bùi Quốc P, sinh ngày 03/12/2013. Hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị T, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh B nhưng bị đơn anh B không đến tham gia phiên họp và hòa giải được. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: bị đơn vắng mặt không lý do.

Nguyên đơn, người làm chứng có đơn xin vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Các điều 9, 19, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao chá Bùi Quốc P, sinh ngày 03/12/2013 cho chị T, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn B, địa chỉ: ấp T, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn

Bị đơn anh Bùi Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng anh Bùi Quốc O có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2012 quyền số: 01/2012, ngày 10/7/2012 và anh chị kết hôn cũng đảm B các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng, quá trình chung sống từ năm 2012 đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống mà không tìm được tiếng nói chung và hướng giải quyết. Anh B không quan tâm gia đình, bỏ mặc vợ, con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình luôn nặng nề khó chịu. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn yêu thương tôn trọng nhau. Chị đã nhẫn nhịn để nuôi con nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét lời trình bày của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng. Mặt khác, theo yêu cầu ly hôn của chị T thì anh B cũng không có ý kiến gì, hiện tại chị T không còn tình cảm với anh B. Từ đó xét thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: có một con chung tên Bùi Quốc P, sinh ngày 03/12/2013, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, cháu P cũng có ý kiến muốn sống với chị T. Xét hiện tại chị T có đủ điều kiện nuôi con, anh B cũng không

có ý kiến gì về việc nuôi con của chị T nên tiếp tục giao cháu P cho chị T nuôi là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận,

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét hiện tại chị T đủ điều kiện để nuôi con, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Quốc P, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Bùi Thị T nuôi, anh Bùi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014455 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện G;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện V,
(Giấy kết hôn số: 89, ngày 10/7/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong